

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **4450**/UBND-CNXD

V/v xin ý kiến về chủ trương  
đầu tư dự án Thủy điện  
Thượng Sơn Tây

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 7 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... <b>6.6.51</b> .....
	Ngày: <b>26</b> / <b>7</b> / <b>17</b>
	Chuyên:..... <b>Công ty</b> .....

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Cổ phần Thủy điện Thượng Sơn Tây (gọi tắt là Nhà đầu tư) có địa chỉ tại thôn Huy Mãng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất đầu tư dự án Thủy điện Thượng Sơn Tây (gọi tắt là Dự án) tại xã Sơn Dung và xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 28/4/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức cuộc họp và có Kết luận số 271-KL/TU ngày 28/4/2017 về việc bổ sung dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi; dự án được Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất phê duyệt bổ sung vào quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 2022/QĐ-BCT ngày 06/6/2017 ngày 17/5/2017. Nhà đầu tư đã hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất dự án và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định; theo kết quả thẩm định, dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được chính quyền và nhân dân huyện Sơn Tây, các sở, ngành đồng thuận; khi dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần cung ứng một phần về năng lượng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tạo công ăn việc làm cho người dân tại địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước.

Thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy số 04/QC-TU ngày 05/12/2016, UBND tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về một số nội dung chính của dự án, cụ thể như sau:

1. Tên dự án đầu tư: Thủy điện Thượng Sơn Tây.
2. Mục tiêu dự án: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
3. Quy mô của dự án:
  - a) Công suất thiết kế:
    - Công suất nhà máy: 10 MW.
    - Số tổ máy:  $n = 2$  tổ.
    - Điện lượng trung bình năm  $E_{tb}$ : 35,02 triệu KWh.
  - b) Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
  - c) Các hạng mục đầu tư chính:

+ Cụm công trình đầu mối gồm đập dâng, đập tràn, cửa lấy nước nằm ở lòng sông Đăk Đrinh.

+ Nhà máy thủy điện, kênh xả, trạm phân phối điện nằm ở bờ phải sông Đăk Đrinh.

+ Tuyến kênh dẫn nước dạng kín có áp, dài 512 mét đào hở nối Đập với Nhà máy.

+ Phần lòng hồ dọc sông Đăk Đrinh.

d) Các thông số kỹ thuật chính của dự án (*cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo*).

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Dung và xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 32,9 ha (sẽ được chuẩn xác trong quá trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất), (*cụ thể tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo*).

6. Tổng vốn đầu tư: 317.806.000.000 đồng (trong đó, vốn cố định là 302.806.000.000 đồng và vốn lưu động là 15.000.000.000 đồng).

*Nguồn vốn như sau:*

- Vốn góp của Công ty: 95.342.000.000 đồng; (chiếm 30%).

- Vốn huy động: 222.464.000.000 đồng (chiếm 70%).

7. Thời hạn hoạt động: 50 (*năm mươi*) năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ 5/2017 đến 12/2017: Thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư;

- Từ 10/2017 đến 4/2018: Thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng;

- Từ 01/2018 đến 3/2018: Xây dựng các công trình tạm, công trình phục vụ thi công;

- Từ 3/2018 đến 12/2019: Xây dựng công trình chính;

- Từ 12/2019: Hoàn thành công trình, phát điện thương mại.

9. Nhu cầu về lao động của dự án

- Giai đoạn chuẩn bị xây dựng (01/2018 đến 03/2018): 30 người.

- Giai đoạn xây dựng công trình chính (03/2018 - 12/2019): 156 người (trong đó có 06 lao động là chuyên gia nước ngoài).

- Giai đoạn vận hành (*từ 12/2019 về sau*): 25 người.

10. Công nghệ và thiết bị

- Dự án không sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; sử dụng công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Châu Âu, các nước thuộc G7 hoặc tương đương; toàn bộ vật tư, thiết bị mới (100%).

- Về thiết bị gồm: thiết bị thủy lực chính (tuabin, máy điều tốc và thiết bị thủy lực, máy phát thủy lực), thiết bị phụ, thiết bị cơ khí thủy công,... để triển khai thực hiện và vận hành dự án sau khi hoàn thành.

## 11. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

### a) Về ưu đãi đầu tư

Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (năng lượng tái tạo) và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Sơn Tây) nên được hưởng các ưu đãi như sau:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Căn cứ pháp lý: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

+ Mức ưu đãi: Công ty được hưởng ưu đãi mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian 15 năm, kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

- Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Về tiền thuê đất:

+ Căn cứ pháp lý: Căn cứ điểm c khoản 1, Điều 5 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định nguyên tắc miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Mức ưu đãi: Miễn tiền thuê đất.

### b) Về hỗ trợ:

Dự án được hỗ trợ chi phí đào tạo lao động và các nội dung khác (nếu có) theo quy định tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh.

## 12. Về năng lực tài chính

Theo hồ sơ dự án đề xuất đầu tư của Nhà đầu tư, tổng vốn đầu tư của dự án là 317.806.000.000 đồng; trong đó vốn góp của Nhà đầu tư là 95.342.000.000 tỷ đồng (chiếm 30%), vốn vay là 222.464.000.000 đồng (chiếm 70%).

+ Về vốn góp của Nhà đầu tư: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300794505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 16/02/2017, Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Sơn Tây có vốn

điều lệ là 30 tỷ đồng; ngày 15/6/2017, Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Sơn Tây đã ban hành Nghị quyết của các cổ đông sáng lập số 01/NQ-TST, xác định thời gian góp vốn và giá trị góp vốn của Nhà đầu tư để thực hiện dự án, theo đó, từ năm 2017 đến 2019, Nhà đầu tư sẽ góp tổng cộng 100 tỷ đồng và góp vốn theo 3 đợt để thực hiện dự án.

+ Về vốn vay: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội đã có văn bản số 310/CV-CNTHN-KHDN ngày 12/06/2017, đồng ý cấp tín dụng cho Nhà đầu tư với mức vốn tối đa 238.354.500.000 đồng (chiếm 70%) để thực hiện dự án.

### 13. Ký quỹ dự án

Nhà đầu tư phải ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Đầu tư và Khoản 3, Điều 27 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, với mức 3% đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng và 2% đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng. Vị trí thực hiện dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và lĩnh vực đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư nên được giảm 50% tiền ký quỹ. Sau khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến và UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, việc ký quỹ sẽ thực hiện trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (*theo Khoản 2, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP*) trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Nhà đầu tư.

### \* Tóm lại

Dự án thủy điện Thượng Sơn Tây được các sở, ngành và địa phương đồng thuận, thống nhất cao; các thông số kỹ thuật chính của dự án cơ bản không thay đổi so với số liệu được UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1277/UBND-CNXD ngày 13/3/2017 và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 271-KL/TU ngày 28/4/2017 về việc bổ sung dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi; đây là dự án có dung tích hồ chứa nhỏ, mức độ ảnh hưởng của dự án đến dân sinh và môi trường không đáng kể, dự án không di dân, tái định cư, không ảnh hưởng đến đất lúa, đất quy hoạch rừng phòng hộ và không ảnh hưởng đến dự án quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Dự án khi đi vào vận hành sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng năng lượng điện ngày càng tăng, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển các dự án điện, đặc biệt là khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo (*trong đó, có các dự án thủy điện*); đồng thời, tạo công ăn việc làm cho người dân tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

(Chi tiết có hồ sơ dự án kèm theo).

Kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

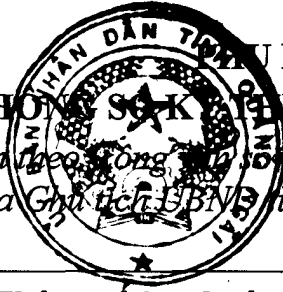
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- UBND huyện Sơn Tây;
- Công ty Cổ phần thủy điện Thượng Sơn Tây;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD (trung365)

**CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**



**LỤC 1**  
**CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA DỰ ÁN**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 450/UBND-CNXD ngày 26/7/2017  
của Ủy ban UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
<b>I</b>	<b>Đặc trưng lưu vực</b>		
1	Diện tích lưu vực	Km <sup>2</sup>	585
2	Lưu lượng trung bình dòng chảy Q <sub>o</sub>	m <sup>3</sup> /s	13,65
<b>II</b>	<b>Hồ chứa</b>		
1	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	230
2	Mức nước chết	m	228
3	Mức nước lũ thiết kế (1,5%)	m	233,49
4	Mức nước lũ kiểm tra (0,5%)	m	234,84
5	Mức nước lũ kiểm tra (0,1%)	m	237,35
6	Dung tích toàn bộ	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,696
7	Dung tích hữu ích	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,373
8	Dung tích chết	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,323
9	Dung tích mặt hồ ứng với MNDBT	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,07
<b>III</b>	<b>Lưu lượng qua nhà máy và cột nước</b>		
1	Lưu lượng max qua nhà máy Q <sub>max</sub>	m <sup>3</sup> /s	39,71
2	Lưu lượng min Q <sub>min</sub>	m <sup>3</sup> /s	5,96
3	Lưu lượng trung bình Q <sub>tb</sub>	m <sup>3</sup> /s	22,83
4	Cột nước lớn nhất H <sub>max</sub>	m	36,55
5	Cột nước nhỏ nhất H <sub>min</sub>	m	33,57
6	Cột nước trung bình H <sub>tb</sub>	m	36,19
7	Cột nước tính toán H <sub>tt</sub>	m	35,36
<b>IV</b>	<b>Công suất</b>		
1	Công suất lắp máy N <sub>lm</sub>	MW	10
2	Công suất đảm bảo N <sub>đb</sub> tần suất 85%	MW	1,08
<b>V</b>	<b>Mức nước hạ lưu max tại nhà máy</b>		
1	Ứng với lũ tần suất p = 0,5%	m	205,13
2	Khi chạy với lưu lượng min	m	189
<b>VI</b>	<b>Điện lượng</b>		
1	Điện lượng trung bình năm E <sub>tb</sub>	10 <sup>6</sup> KWh	35,02

2	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	h	3.502
<b>VII</b>	<b>Nhà máy thủy điện</b>		
1	Cao trình lắp máy	m	190
2	Cao trình sàn lắp ráp	m	206
3	Mực nước hạ lưu lớn nhất	m	205,13
4	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	m	189

**PHỤ LỤC 2**  
**DỰ KIẾN NHIỆM VỤ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA DỰ ÁN**  
 (Ban hành kèm theo Công văn số 4450/UBND-CNXD ngày 26/7/2017  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất sử dụng lâu dài (50 năm)</b>	<b>27,4</b>	<b>83,28</b>
1	Hồ chứa	8,8	26,74
2	Cụm đầu mối	3,6	10,95
3	Kênh dẫn nước	2,8	8,52
4	Đường ống áp lực và nhà máy	3,5	10,64
5	kênh xả và trạm phân phối	1,2	3,65
6	Đường thi công vận hành	2,1	6,39
7	Đường dây đấu nối 22Kv; 12km	5,4	16,41
<b>II</b>	<b>Đất sử dụng tạm thời (02 năm)</b>	<b>5,5</b>	<b>16,72</b>
1	Khu lán trại	2	6,07
2	Khu phụ trợ	2	6,07
3	thi công tuyến đường dây	1,5	4,56
<b>III</b>	<b>Tổng cộng:</b>	<b><u>32,9</u></b>	<b><u>100</u></b>